

Số: 320/KHGD-THPT

Mường Chà, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2025– 2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục Mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường tiểu học;
- Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 - 2021;
- Văn bản số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;
- Căn cứ văn bản số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020 - 2021; Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 tỉnh Điện Biên thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GDĐT
- Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 v/v Tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học.
- Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/V Hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, tin học; Văn bản số 833/SGDĐT-GDTH ngày 13/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học;
- Công văn số 2540/SGDĐT-GDTrH ngày 24 tháng 8 năm 2025 V/v hướng dẫn một số nội dung về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông

- Công văn 2611/HD-PGDĐT ngày 29/8/2025 V/v hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với công tác học sinh, sinh viên

Văn bản số: 2616/SGDĐT-GDMNTH của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên ngày 29 tháng 8 năm 2025 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026.

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Mường Chà trên cơ sở nhập xã Chà Cang, xã Chà Nưa, xã Nậm Tin và xã Pa Tần. Sau sắp xếp, xã Mường Chà có diện tích tự nhiên 462,28km²; quy mô dân số có 2.644 hộ, 13.884 (13.729) người. Dân tộc chủ yếu là: H.Mông, tộc Dao, Thái, Cống... giao thông đi lại hết sức khó khăn khí hậu khắc nghiệt. là xã biên giới đặc biệt khó khăn cách trung tâm tỉnh điện Biên 150 km. Hơn 95% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số. Địa hình của xã chủ yếu là đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí thấp, đại đa số là dân tộc Mông, tỉ lệ hộ nghèo cao, việc áp dụng khoa học-kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. Đường giao thông từ trung tâm xã đến các bản còn phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sống không tập trung, nền kinh tế thuần nông là chủ yếu, một số bản trong xã có đường dân sinh. Phần đa người dân còn trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Đảng và nhà nước, công tác phối hợp giáo dục con em còn nhiều hạn chế một số phụ huynh còn phó mặc con em cho nhà trường.

a. Thuận lợi:

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Đảng ủy, chính quyền và nhân dân xã Mường Chà và Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

- Trường có 17 lớp với 439 học sinh, bộ máy tổ chức đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Cán bộ quản lý của trường gồm 3 đồng chí đều có trình độ Đại học và trung cấp chính trị. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực, linh hoạt, giám nghĩ giám làm và giám chịu trách nhiệm trong công việc chung. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng.

- Đội ngũ giáo viên có 22/22 giáo viên đạt trình độ Đại học, 1 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh; có 6/22 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Huyện.

- Trường có các giáo viên được đào tạo chính quy về Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, nên thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học này một cách chủ động và hiệu quả.

- Số học sinh/lớp không quá 35 em, đảm bảo cho việc giáo viên tổ chức các hình thức dạy học linh hoạt và đảm bảo cho việc giáo viên có thể dạy đến từng học sinh. 100% học sinh được học 2 buổi/ngày.

- Nhà trường có đủ phòng học 17 phòng/17 lớp; đầy đủ trang thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu hiện tại.

- Trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy.

b. Khó khăn:

- Trường có 08 điểm bản lẻ, xa trung tâm, giao thông đi lại khó khăn. Địa bàn cư trú của học sinh không tập trung, nhiều em ở cách xa trường, điểm trường trên 4 km nên tỷ lệ đi học chuyên cần chưa cao nhất là vào mùa rét và mùa mưa.

- Điều kiện kinh tế của phụ huynh còn thấp, toàn trường có 215/439 chiếm 49,0% gia đình học sinh là hộ nghèo nên sự quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho con em học tập còn hạn chế.

- Nhiều phụ huynh còn ỷ lại vào chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, phó mặc việc giáo dục cho nhà trường nên việc quan tâm đến con chưa đúng mức.

- Trình độ dân trí của số ít phụ huynh còn thấp, chưa nhận thức đầy đủ vai trò của giáo dục và đầu tư đúng mức cho việc học tập của con em; nhiều học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do bố mẹ vi phạm pháp luật đi tù, con cái không có nơi nương tựa; một số ít sống với ông bà và họ hàng nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc không được thường xuyên... ; thiếu sự phối hợp với nhà trường để giáo dục học sinh. Trong thời kì hội nhập đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của phụ huynh và xã hội nên phần nào cũng gặp khó khăn trong công tác giáo dục của nhà trường.

- Cơ sở vật chất nhà trường còn thiếu phòng học bộ môn, phòng Âm nhạc và Mỹ thuật, chưa có nhà đa năng.

- Sân chơi bãi tập TDTT còn dùng chung.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

- Năm học 2025-2026 nhà trường có 17 lớp và 439 học sinh. Trong đó có 17 lớp. Cụ thể.

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện		Trong đó						Tỷ lệ hs/lớp
	Lớp	HS	Lớp	HS	Nữ	Dân tộc	Nữ DT	K.Tật	Hộ nghèo	Bán trú	
Khối 1	3	65	3	63	35	62	35			37	21,0
Khối 2	4	97	3	96	41	94	41	1	55	63	24,0
Khối 3	3	87	3	86	39	85	38		38	73	28,7
Khối 4	3	103	4	102	50	102	50		39	88	25,5
Khối 5	3	94	3	92	46	90	45		48	78	30,7
Tổng	17	446	17	439	211	433	209	1	215	339	25,8

- Học 2 buổi/ ngày 17 lớp = 439 học sinh.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lí.

a. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 03, trong đó: Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng : 02;

- Giáo viên: 22, trong đó: Giáo viên tiểu học: 18, tiếng Anh: 01, Âm nhạc 1, Thể dục: 0; Mỹ thuật: 0; Tin học 01; Tổng phụ trách Đội: 01

- Nhân viên: 11, trong đó: Thư viện: 02; Thiết bị: 0; Văn thư – Thủ quỹ: 01; y tế học đường: 01; Kế toán: 01; Bảo vệ: 01; Nhân viên phục vụ nấu ăn: 05.

b. Trình độ đào tạo:

- CBQL: Đại học: 03
- Giáo viên: Đại học: 22 đ/c; Cao đẳng: 0 đ/c; Trung cấp 0 đ/c
- Nhân viên: Đại học: 02 đ/c, Cao đẳng: 01; Trung cấp 3 đ/c; dưới trung cấp: 05 đ/c.
- Tỷ lệ nữ: 30,3%
- Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,29
- Trung cấp chính trị: 04 đ/c
- Quản lý nhà nước: 03 đ/c

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

*** Về cơ sở vật chất**

- Cơ sở vật chất: Tổng số phòng là: 27 phòng. Trong đó phòng BGH: 03, phòng Kế toán: 01, phòng Hội đồng: 01, phòng học: 17, phòng truyền thống và hoạt động Đội: 01, phòng bảo vệ: 01, phòng y tế: 01, phòng thư viện: 01 phòng, phòng thiết bị: 01 phòng, có 01 bếp ăn, 4 công trình vệ sinh, 01 công trình nước sạch.

*** Thiết bị dạy học:**

- Có tương đối đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Cụ thể:

Thiết bị dạy học tối thiểu	Đơn vị tính	Tổng số	TB còn sử dụng tốt	TB hư hỏng không sử dụng được	Ghi chú
Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ	80	80	0	
Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ	78	78	0	
Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ	39	39	0	
Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ	20	20	0	
Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ	20	20	0	
Tổng		237	237	0	

- Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu hoạt động giáo dục.

+ Tổng số máy chiếu: 8 cái (lắp cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn, phòng Hội đồng); 05 tivi thông minh tại các phòng học và phòng bộ môn.

+ Tủ âm loa, đài: 01 bộ

*** Điểm trường, lớp ghép**

Năm học 2025-2026 nhà trường có 01 điểm trường lẻ

+ Điểm trường Huồi Khương có 2 lớp: Lớp 1 với 17 học sinh; lớp 2 với 19 học sinh. Phòng kiên cố 03 phòng. Trong đó sử dụng 02 phòng học; 01 phòng ăn ngủ trưa học sinh và giáo viên.

*** Cơ sở vật chất phục vụ bán trú.**

- Trung tâm: Có 01 nhà bếp, 01 nhà ăn; Điểm trường Huồi Khương có 01 nhà bếp, 01 nhà ăn. Nhà bếp, nhà ăn đảm bảo cơ sở vật chất cho 339 học sinh ăn, nghỉ bán trú tại trường và 36 học sinh ăn trưa dự án.

- Phòng ở bán trú; 12 phòng và đang sử dụng nhà ăn cho học sinh ngủ

- Nhà vệ sinh: 3 nhà.

4 . Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến toàn thể cán, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh Tham mưu với chính quyền địa phương triển khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân.

- 100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp toàn cấp học

- Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/ KH -BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai sử dụng hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GD&ĐT. Triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh cấp tiểu học theo kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GD&ĐT. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến đối với những lớp chưa có đủ giáo viên dạy học trực tiếp. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GD&ĐT về việc tổ chức dạy học môn Tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học).

- Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương lớp 1, 2, 3, 4, 5 tỉnh Điện Biên thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT-GDT ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT và dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm.

+ Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GD T 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

- Tăng cường tiếng Việt: Tổ chức tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số qua các môn học và hoạt động giáo dục tối thiểu 01 tiết/tuần. Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt (*Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên lớp 1 và học sinh lớp 1; Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Công văn số 1949/BGDĐT-GDTH ngày 15/5/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3*; Chỉ đạo 100% giáo viên có học sinh tiểu học xây dựng lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tiếng Việt.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy Tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gần với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức hoạt động thư viện xanh, thư viện lưu động, thư viện góc lớp, giao lưu TV.

- Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 (thời lượng 72 tiết). Các trường có lớp tiểu học xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện; hòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1. Tổ chức kiểm tra đánh giá việc tổ chức dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tổ chức dạy học tích hợp giáo dục STEM

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại công văn số 909/BGDĐT-GDĐT ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDĐT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học đối với 100% các đơn vị trường có học sinh tiểu học.

UBND các xã, phường tổ chức tập huấn giáo viên, hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập:

+ Thực hiện nghiêm túc Luật người khuyết tật năm 2010; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động thương binh và xã hội - Bộ Tài Chính về Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật;

+ Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung

1. Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026 bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định của UBND tỉnh và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

2. Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có đủ giáo viên (quan tâm đặc biệt đối với giáo viên dạy môn Tiếng Anh), đảm bảo chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý quản trị trường học thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong cơ sở giáo dục tiểu học; phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

5. Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018) từ lớp 1 đến lớp 5; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục cấp tiểu học.

6. Thực hiện công tác kiểm tra theo thẩm quyền; việc khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

- Duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.
- Duy trì PCGDTH mức độ 3. PC XMC mức độ 2.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Huy động và duy trì số lượng học sinh

- Duy trì 439/439 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng
- Huy động số học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 63/63 HS đạt 100%.
- Tỷ lệ huy động học sinh từ 6-10 tuổi ra lớp 435/438 em đạt 99,3% (có 03 em khuyết tật không ra lớp)
- PCGDTH: Huy động số học sinh 6-14 tuổi ra lớp: 439/442 (có 03 em KT không ra lớp) đạt: 99,3%.
- + PCGDTH mức độ 3: Số HS độ tuổi 11 HTCTTH: 88/92 em đạt 95,7%.
- Số HS độ tuổi 12 HTCTTH: 0/0 em đạt 0 %.

- Số HS độ tuổi 13 HTCTTH: 0/0 em đạt 0 % .

- Duy trì đạt chuẩn Phổ cập XMC mức độ 2 với tiêu chí như sau: Số người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35: 925/965 đạt tỷ lệ 95,9%

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Môn học và các hoạt động giáo dục

Khối Lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
Tổng số học sinh		63		96		86		102		92		439	
Môn Học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	34	54,0	46	47,9	42	48,8	41	40,2	49	53,3	212	48,3
	HT	29	46,0	50	52,1	44	51,2	61	59,8	43	46,7	227	51,7
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán	HTT	35	55,6	46	47,9	42	48,8	43	42,2	49	53,3	215	49,0
	HT	28	44,4	50	52,1	44	51,2	59	57,8	43	46,7	224	51,0
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Tiếng Anh (280)	HTT		-		-	42	48,8	42	41,2	45	48,9	129	46,1
	HT		-		-	44	51,2	60	58,8	47	51,1	151	53,9
	CHT		-		-	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Tin Học (280)	HTT		-		-	41	47,7	42	41,2	46	50,0	129	46,1
	HT		-		-	45	52,3	60	58,8	46	50,0	151	53,9
	CHT		-		-	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Công Nghệ (280)	HTT		-		-	44	51,2	44	43,1	48	52,2	136	48,6
	HT		-		-	42	48,8	58	56,9	44	47,8	144	51,4
	CHT		-		-	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Đạo Đức	HTT	37	58,7	45	46,9	42	48,8	45	44,1	47	51,1	216	49,2
	HT	26	41,3	51	53,1	44	51,2	57	55,9	45	48,9	223	50,8
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. TN và XH (245)	HTT	37	58,7	45	46,9	41	47,7					123	50,2
	HT	26	41,3	51	53,1	45	52,3					122	49,8
	CHT	0	0	0	0	0	0					0	0
8. Khoa học	HTT							44	43,1	46	50,0	90	46,4

(194)		HT							58	56,9	46	50,0	104	53,6
		CHT							0	0	0	0	0	0
9. LS-ĐL (194)		HTT							45	44,1	48	52,2	93	47,9
		HT							57	55,9	44	47,8	101	52,1
		CHT							0	0	0	0	0	0
Nghệ Thuật	10. Âm nhạc	HTT	36	57,1	44	45,8	42	48,8	46	45,1	48	52,2	216	49,2
		HT	27	42,9	52	54,2	44	51,2	56	54,9	44	47,8	223	50,8
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	11. Mĩ Thuật	HTT	36	57,1	44	45,8	42	48,8	46	45,1	46	50,0	214	48,7
		HT	27	42,9	52	54,2	44	51,2	56	54,9	46	50,0	225	51,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12. GDTC		HTT	37	58,7	46	47,9	42	48,8	45	44,1	47	51,1	217	49,4
		HT	26	41,3	50	52,1	44	51,2	57	55,9	45	48,9	222	50,6
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13. HĐTN		HTT	37	58,7	45	46,9	42	48,8	44	43,1	48	52,2	216	49,2
		HT	26	41,3	51	53,1	44	51,2	58	56,9	44	47,8	223	50,8
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

b) Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS học sinh		63		96		86		102		92		439	
- Năng lực chung	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tự chủ và tự học	Tốt	34	54	44	45,8	41	47,7	41	40,2	45	48,9	205	46,7
	Đạt	29	46	52	54,2	45	52,3	61	59,8	47	51,1	234	53,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	34	54	44	45,8	41	47,7	41	40,2	45	48,9	205	46,7
	Đạt	29	46	52	54,2	45	52,3	61	59,8	47	51,1	234	53,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Giải	Tốt	34	54	44	45,8	41	47,7	41	40,2	45	48,9	205	46,7

quyết vấn đề và sáng tạo	Đạt	29	46	52	54,2	45	52,3	61	59,8	47	51,1	234	53,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năng lực đặc thù													
1. Ngôn ngữ	Tốt	34	54,0	46	47,9	42	48,8	41	40,2	49	53,3	212	48,3
	Đạt	29	46,0	50	52,1	44	51,2	61	59,8	43	46,7	227	51,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Tính toán	Tốt	35	55,6	46	47,9	42	48,8	43	42,2	49	53,3	215	49,0
	Đạt	28	44,4	50	52,1	44	51,2	59	57,8	43	46,7	224	51,0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Khoa học	Tốt	37	58,7	45	46,9	41	47,7	44	43,1	46	50,0	213	48,5
	Đạt	26	41,3	51	53,1	45	52,3	58	56,9	46	50,0	226	51,5
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Thẩm mỹ	Tốt	36	57,1	44	45,8	42	48,8	46	45,1	46	50,0	214	48,7
	Đạt	27	42,9	52	54,2	44	51,2	56	54,9	46	50,0	225	51,3
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Thể chất	Tốt	37	58,7	46	47,90	42	48,8	45	44,1	47	51,1	217	49,4
	Đạt	26	41,3	50	52,10	44	51,2	57	55,9	45	48,9	222	50,6
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Tin học (280)	Tốt					41	47,7	42	41,2	46	50,0	129	46,1
	Đạt					45	52,3	60	58,8	46	50,0	151	53,9
	CCG					0	0	0	0	0	0	0	0
7. Công nghệ (280)	Tốt					44	51,2	44	43,1	48	52,1	136	48,6
	Đạt					42	48,8	58	56,9	44	47,9	144	51,4
	CCG					0				0	0	0	0

c) Những phẩm chất chủ yếu:

[illegible]

2. Nhân ái	Tốt	37	58,7	48	50,0	44	51,2	51	50,0	57	61,9	237	54,0
	Đạt	26	41,3	48	50,0	42	48,8	51	50,0	35	38,1	202	46,0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	Tốt	37	58,7	48	50,0	44	51,2	51	50,0	57	61,9	237	54,0
	Đạt	26	41,3	48	50,0	42	48,8	51	50,0	35	38,1	202	46,0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	Tốt	37	58,7	48	50,0	44	51,2	51	50,0	57	61,9	237	54,0
	Đạt	26	41,3	48	50,0	42	48,8	51	50,0	35	38,1	202	46,0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	Tốt	37	58,7	48	50,0	44	51,2	51	50,0	57	61,9	237	54,0
	Đạt	26	41,3	48	50,0	42	48,8	51	50,0	35	38,1	202	46,0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	Tổng số học sinh	HTXS		HTT		HT		CHT	
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL
Khối 1	63	11	17,5	23	36,5	29	46,0	0	0
Khối 2	96	13	13,5	31	32,3	52	54,2	0	0
Khối 3	86	13	15,1	28	32,6	45	52,3	0	0
Khối 4	102	14	13,7	27	26,5	61	59,8	0	0
Khối 5	92	15	16,3	39	42,4	38	41,3	0	0
Tổng	439	66	15,0	149	33,9	225	51,3	0	0

* Hoàn thành chương trình lớp học: 347 HS, đạt tỷ lệ 100%

* Hoàn thành chương trình Tiểu học: 92 HS, đạt tỷ lệ 100%

Khen thưởng cuối năm học:

Khối	TSHS	HS Hoàn thành xuất sắc		HS tiêu biểu	
		SL	%	SL	%
1	63	11	17,5	11	17,5
2	96	13	13,5	24	25,0
3	86	13	15,1	10	11,6
4	102	14	13,7	27	26,5
5	92	15	16,3	17	18,5
Cộng	439	66	15,0	89	20,3

e) Các hoạt động khác:

* 100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.

- Học sinh tham gia Thi viết chữ đẹp cấp trường: 155/439 em; đạt tỷ lệ 34,4%.

Trong đó:

+ Khối lớp 1: 3 lớp = 25/63 HS, đạt tỷ lệ 39,7%.

+ Khối lớp 2: 4 lớp = 32/96 HS, đạt tỷ lệ 33,3%.

+ Khối lớp 3: 3 lớp = 30/86 HS, đạt tỷ lệ 34,9%.

+ Khối lớp 4: 4 lớp = 36/102 HS, đạt tỷ lệ 35,3%.

+ Khối lớp 5: 3 lớp = 48/92 HS, đạt tỷ lệ 52,2%.

- Học sinh đạt giải Thi viết chữ đẹp cấp trường: 50/453 em; đạt tỷ lệ 11,0%.

Trong đó:

+ Khối lớp 1: 3 lớp = 15/63 HS, đạt tỷ lệ 23,8%.

+ Khối lớp 2: 4 lớp = 12/96 HS, đạt tỷ lệ 18,2%.

+ Khối lớp 3: 3 lớp = 10/86 HS, đạt tỷ lệ 11,6%.

+ Khối lớp 4: 4 lớp = 12/102 HS, đạt tỷ lệ 11,8%.

+ Khối lớp 5: 3 lớp = 10/92 HS, đạt tỷ lệ 10,9%.

- Học sinh tham gia thi "Giao lưu Tiếng Việt" cấp trường: 50/439 em; đạt tỷ lệ 11,4%. Trong đó:

+ Khối lớp 1: 3 lớp = 10/63 HS, đạt tỷ lệ 15,9%.

+ Khối lớp 2: 4 lớp = 10/96 HS, đạt tỷ lệ 10,4%.

+ Khối lớp 3: 3 lớp = 10/86 HS, đạt tỷ lệ 11,6%.

+ Khối lớp 4: 4 lớp = 10/102 HS, đạt tỷ lệ 9,8%.

+ Khối lớp 5: 3 lớp = 10/92 HS, đạt tỷ lệ 10,9%.

- Học sinh đạt giải thi Giao lưu Tiếng Việt" cấp trường: 40/439 em; đạt tỷ lệ 9,1%. Trong đó:

+ Khối lớp 1: 3 lớp = 8/63 HS, đạt tỷ lệ 12,7%.

+ Khối lớp 2: 4 lớp = 8/96 HS, đạt tỷ lệ 8,3%.

+ Khối lớp 3: 3 lớp = 8/86 HS, đạt tỷ lệ 9,3%.

+ Khối lớp 4: 4 lớp = 8/102 HS, đạt tỷ lệ 7,8%.

+ Khối lớp 5: 3 lớp = 8/92 HS, đạt tỷ lệ 8,7%.

- Học sinh tham gia "Ngày hội Stem" cấp trường: 15/15 lớp Trung Tâm, đạt tỷ lệ 100%

- Các cuộc thi trí tuệ trên mạng Internet

+ Violympic:

Khối	TSHS	Học sinh tham gia		Học sinh đạt giải		Ghi chú
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	

1	63	10	15,9	5	7,9	
2	96	11	11,5	8	8,3	
3	86	9	10,5	6	7,0	
4	102	13	12,7	9	8,8	
5	92	10	10,9	9	9,8	
Tổng	439	53	12,1	37	8,4	

+ IOE

Khối	TSHS	Học sinh tham gia		Học sinh đạt giải		Ghi chú
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	
3	86	3	3,5	2	2,3	
4	102	4	3,9	3	2,9	
5	92	5	5,4	3	3,3	
Tổng	280	11	3,9	6	2,1	

- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục thứ 2,4 hàng tuần).

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.

- 100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức:

- Hoạt động đội thiếu niên, sao nhi đồng.

+ Chủ đề năm học: “*Thiếu nhi Mừng Chào mừng bước tiến vào kỷ nguyên mới*”

- Số HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ: 179/439, đạt tỷ lệ 40,8 %.

- Chỉ tiêu kết nạp đội viên: 86/86 em đạt 100%.

3. Chất lượng đội ngũ

* Xếp loại chuyên môn: Tổng số 22 đồng chí trong đó:

- Tốt: 10/22 GV, đạt tỷ lệ 45,5%

- Khá: 12/22 GV, đạt tỷ lệ 54,5%

- Trung bình: 0/22 GV, đạt tỷ lệ 0%

* Xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVTH:

+ BGH: Tốt: 3/3 đ/c đạt tỷ lệ 100%.

+ GV: Tốt : 10/22 GV, đạt tỷ lệ 45,5%; Khá: 12/22 GV, đạt tỷ lệ 54,5%; Đạt: 0/22 GV, đạt tỷ lệ 0%; Chưa đạt: 0/22 GV, đạt tỷ lệ 0%

* Giáo viên giỏi: 10/22 GV, đạt tỷ lệ 45,5%. Trong đó:

- + Cấp trường: 3/22 GV tỷ lệ 13,6 %
- + Cấp xã: 6/22 GV tỷ lệ 27,3%
- + Cấp tỉnh: 1/22 GV tỷ lệ 4,5%
- Đánh giá viên chức cuối năm: HTXS NV: 4/22 đ/c; đạt 18,2%; HTT NV: 18 đ/c đạt 81,8%;
- Số SKKN công nhận cấp xã: 4/22 đ/c đạt tỷ lệ 18,2%. Trong đó:
- Chất lượng hồ sơ:
- BGH: Tốt 3/3 bộ đạt tỷ lệ 100%
- Tổ trưởng: Tốt: 3/3 đ/c đạt 100%; Khá: 0/3 đ/c đạt tỷ lệ 0%.
- Giáo viên: Tốt: 22/22 đ/c đạt tỷ lệ 100%; Khá: 0/22 đ/c đạt tỷ lệ 0%;
- Số đồ dùng dạy học làm thêm: 5 sản phẩm/1 năm học

*** Công tác bồi dưỡng giáo dục**

- Thực hiện tự bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch số 2184/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026;

- Tham gia chuyên đề cụm chuyên môn: 4 lần/năm

Thời gian:

+ Học kì I:

Chuyên đề lần 1: Tuần 2 tháng 10/2025:

Chuyên đề lần 2: Tuần 4 tháng 11/2025:

+ Học kì II:

Chuyên đề lần 3: Tuần 2 tháng 1/2026:

Chuyên đề lần 4: Tuần 2 tháng 3/2026:

- Chuyên đề trường:

- Tháng 10/2025: Day học minh họa môn Tiếng Việt lớp 5 về dạy học phát triển năng lực hiểu nghĩa các từ.

- Tháng 11/2025: Day học minh họa môn Toán lớp 4 về phát triển năng lực nhận biết tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng.

- Tháng 12/2025: Day học minh họa môn Toán lớp 3 về phát triển năng lực nhận biết Phép nhân, phép chia trong phạm vi 1000.

- Tháng 1/2026: Day học minh họa môn Tiếng Việt lớp 2 về phát triển năng lực Đọc – hiểu.

- Tháng 3/2026: Day học minh họa môn Tiếng Việt lớp 1 về phát triển năng lực về nghe – nói .

4. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường tiểu học.

- Duy trì và nâng các các tiêu chí đã đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Thông tư Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học (*Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học*)

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	Tự nhiên và Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34
7	Lịch sử và Địa lí										70	36	34	70	36	34
8	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Tin học và Công nghệ							70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
12	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
	TCTV	35	18	17	35	18	17	35	18	17						
	Độc sách tại TV	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
	GDDP	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10

2. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																
1	Hoạt động tự học có hướng dẫn	153	78	75	153	78	75	48	24	24	13	6	7	13	6	7
TỔNG		<i>1120</i>	<i>576</i>	<i>544</i>	<i>1120</i>	<i>576</i>	<i>544</i>	<i>1120</i>	<i>576</i>	<i>544</i>	<i>1120</i>	<i>576</i>	<i>544</i>	<i>1120</i>	<i>576</i>	<i>544</i>

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9	Truyền thống nhà trường	- Lễ khai giảng chào mừng năm học mới - Tìm hiểu truyền thống nhà trường. - Vui tết trung thu.	- Kết hợp tổ chức cùng nhà trường. - Tập trung trên sân trường nghe, trả lời các câu hỏi giao lưu để nhận quà tặng - Tổ chức cho học sinh thi làm lồng đèn, mâm ngũ quả,		- Ban giám hiệu. -TPT Đội – HS - GVCN, HS	- Giáo viên và học sinh toàn trường - TPTĐ - GVCN, HS, Đoàn thanh niên xã.
10	Thiếu Nhi Điện Biên thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy	- Hưởng ứng: Tuần lễ học tập suốt đời. Góp sách cho tủ sách anh em. - Trang trí góc học tập ở nhà và tự chuẩn bị đồ dùng khi đến lớp. - Thực hành: sử dụng điện an toàn... vui chơi an toàn;	- Phát động tuần lễ học tập suốt đời - Tham quan những góc trang trí sách của các lớp; khuyến góp ủng hộ sách - Tuyên truyền về vui chơi an toàn trên sân trường, cách sử dụng điện an toàn dưới		- BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh - GV; HS và PH - GV; HS và PH	- BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh - GV; HS và PH - GV; HS và PH

		- Vệ sinh trường lớp xanh, sạch, thân thiện và an toàn.	hình thức tập trung và theo lớp. - HS lao động tổng về sinh lớp học và sân trường - Tổ chức sinh hoạt Đội, Sao.		Toàn trường	GVCN - HS
11	Tôn sư trọng đạo	- Tìm hiểu nghề thủ công địa phương. - Sáng tạo về chủ đề thầy cô của em: - Giao lưu văn nghệ chào mừng 20/11	- HS Toàn trường - HS vẽ báo tường; sưu tầm báo ảnh thi với các lớp. - Thi văn nghệ giữa các khối lớp		- Giáo viên- HS toàn trường. - BGH, - GV- NV - GV; HS và PH	- Giáo viên và học sinh toàn trường - BGH, - GV- NV
12	Uống nước nhớ nguồn	- Học tập tác phong anh bộ đội cụ Hồ. - Giao lưu với chú bộ đội. - Thăm gia đình thương binh Liệt sĩ, thăm tặng quà một số gđ thương binh, liệt sỹ trong xã.	- Toàn trường - Nói chuyện với các chú bộ đội ở đội XS số 3. - BGH; TPT; Đoàn viên và 10 học sinh thăm gia đình thương binh để hỏi thăm và tặng quà .		- HS - TPT Đội, HS toàn trường - BGH; PTĐ; Đoàn thanh niên; 10 HS	- BGH, Đoàn TN, GV- NV - Giáo viên, Bộ đội ở Đội SX số 3 - BGH; PTĐ; Đoàn thanh niên; HS
1	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc	- Các trò chơi dân gian... (thi kéo co với các khối lớp) - Tìm hiểu về Tết Nguyên đán - Tìm hiểu về lễ hội văn hóa lễ hội ở Điện	- Toàn trường - Sinh hoạt dưới cờ, SHL và qua công tác chủ nhiệm - Tổ chức tập trung trên sân trường		- BGH TPT. - TPT Đội + GVCN + HS toàn trường. - HS ; GV	- BGH, TPT, GVCN và HS toàn trường – PH. - GVTPT – GVCN - HS - Phụ huynh - GVCN – HS - PH

		Biên - Gói bánh, cắm hoa, cắt gấp lì xì; ngày hội ẩm thực.	- GV nêu yêu cầu và cùng với phụ huynh hướng, kiểm tra.		- Toàn trường	- GVCN – HS - PH
2	Mừng Đảng mừng Xuân	- Thực hành: Trồng cây hưởng ứng ngày Tết trồng cây. - Thực hành phòng tránh tai nạn thương tích: an toàn bản thân, cháy nổ, chập điện....(ngoại khóa) - Kỹ năng: cách phòng tránh các bệnh thông thường.	- Ngày khai xuân mỗi thầy cô giáo và học sinh mang một cây cảnh hoặc cây ăn quả đến trường trồng. - Sinh hoạt dưới cờ và giáo dục lồng ghép vào môn học, HĐTN, HS thực hành tại lớp và gia đình		- Toàn trường. - Toàn trường. - Toàn trường.	- Giáo viên và học sinh toàn trường - GVTPT – GVCN - HS - GVTPT – YT học đường - GVCN – HS
3	Mẹ và cô	- Diễn văn nghệ mừng mẹ, mừng cô. - Vẽ tranh gia đình em. - Hoạt động trải nghiệm: Gửi trọn yêu thương.	- Toàn trường. - Thực hiện trên sân trường - GV bàn với phụ huynh tổ chức cho HS theo khối, lớp.	-	- TPT, BT Đoàn. - Toàn trường - Toàn trường	- TPT, BT Đoàn. - GVCN – GV Mỹ thuật -HS - GVCN – GVTPT – PH- HS
4	Hòa bình và Hữu nghị	- Thăm quan các cảnh đẹp quê hương. - Tuyên truyền về bảo vệ tổ quốc và tìm hiểu về biển đảo Việt Nam	- Tổ chức theo khối lớp - Sinh hoạt dưới cờ		- GVCN, HS - Toàn trường	- TPT Đội – Phụ huynh - BGH, TPT Đội, Đoàn TN, HS

5	Nhớ ơn Bác Hồ	- Tìm hiểu về Đội TNTP HCM. Tìm hiểu các anh hùng nhỏ tuổi. - Thi kể chuyện về Bác Hồ.	- Tổ chức theo khối lớp - Sinh hoạt dưới cờ		- GVCN, HS - Toàn trường	- TPT Đội – Phụ huynh - BGH, TPT Đội, Đoàn TN, HS
---	----------------------	---	--	--	---------------------------------	--

b) Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (trong trường hợp có học sinh bán trú)

S T T	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Thể dục buổi sáng	Thể dục buổi sáng	Học sinh nội trú/toàn trường	5h15p - 5h30p	Sân trường	
2	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt, gấp chăn màn	Học sinh nội trú/toàn trường	5h30p- 5h45p	Khu nội trú	
3	Ăn sáng	Ăn sáng	Học sinh nội trú/toàn trường	5h45p- 6h10p	Nhà ăn	
4	Vệ sinh phòng ở, lớp học	quyết dọn nhà vệ sinh, phòng ở.	Học sinh nội trú/toàn trường	6h10p- 6h45p	Khu nội trú, lớp học	
5	Vệ sinh cá nhân chuẩn bị ăn trưa	Rửa chân tay, chia cơm	Học sinh nội trú/toàn trường	10h30p – 10h45p	Khu nội trú, nhà ăn	
6	Ăn trưa	Ăn trưa	Học sinh nội trú/toàn trường	10h54p- 11h15p	Nhà ăn	
7	Dọn dẹp nhà ăn	quyết dọn	Học sinh nội trú/theo lớp	11h15p- 11h30p	Nhà ăn	
8	Nghỉ trưa	Ngủ	Học sinh nội trú/toàn trường	11h30p- 13h15p	Phòng ở	
9	Vệ sinh cá nhân	Rửa, mặt mũi, chân tay,	Học sinh nội trú/toàn trường	13h15p- 13h30p	Bể nước khu nội trú	
10	Vệ sinh phòng ở, lớp học	quyết dọn	Học sinh nội trú/theo lớp	13h30- 14h00p	Khu nội trú, lớp học	
11	Đọc sách tại thư viện; Hoạt động TDDT, Chăm sóc vườn rau, bồn hoa	Đọc sách; TDDT, Chăm sóc bồn hoa	Học sinh nội trú/toàn trường	16h20p- 17h00p	Thư viện, sân trường.	
12	Vệ sinh cá	Tắm giặt	Học sinh nội	17h00p-	Khu nội trú	

* Điểm Huỗi Khưing

- Sinh hoạt dưới cờ do giáo viên chủ nhiệm thực hiện.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục lớp 1.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục lớp 2.

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Toán	Tiếng Việt	Toán	Toán	
	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	
	4	Đạo đức	Âm nhạc	TN&XH	TN&XH	HĐTN	
Chiều	5	Toán	Toán+	Toán+	Tiếng Việt+	SHCM (HĐTT)	
	6	Tiếng Việt+	Mĩ thuật	Tiết đọc TV	TCTV		
	7	GDĐP	GDTC	GDTC	HĐTN		
Tổng số tiết/ tuần: 32 tiết							

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục

- Thực hiện Quyết định số 1812/QĐ-UBND, ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

+ Ngày tựu trường: Lớp 1: Ngày 22/8/2025; Toàn trường: ngày 29/8/2025

+ Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024

+ Học kỳ I: Từ ngày 08/9/2025 đến ngày 16/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 đến ngày 22/05/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Ngày kết thúc năm học: Trước ngày 31/5/2026.

- Tại trường PTDTBT TH Pa Tần thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

4.1. Đối với lớp 1

4.1.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	
	2	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TNXH	GDTC	
	4	Tiếng Việt	TNXH	Đạo đức	Âm nhạc	HĐTN	
Chiều	5	TCTV	Toán+	Tiếng Việt+	Tiếng Việt	SHCM (HĐTT)	
	6	Tiếng Việt+	Mĩ thuật	HĐTN	Tiếng Việt		
	7	GDTC	GDDP	Toán+	Tiết đọc TV		
Tổng số tiết/ tuần: 32 tiết							

(Ghi chú: Có kế hoạch giáo dục theo tuần kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	420	
2	Toán	105	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Âm nhạc	35	
6	Mĩ thuật	35	
7	Giáo dục thể chất	70	

8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Tăng cường Tiếng Việt	35	
10	Đọc sách tại thư viện	35	
11	Giáo dục địa phương	22	
12	Hoạt động tập thể	24	
13	Hoạt động củng cố tăng cường	173	
14	Hoạt động theo nhu cầu người học	140	
15	Sinh hoạt chuyên môn	72	
16	Các ngày nghỉ trong năm	14	
17	Tổng số tiết học kỳ I	576	
18	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.1.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (theo Phụ lục 02)

4.2. Đối với lớp 2

4.2.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

- Tổ chức các hoạt động giáo dục lớp 2.

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Toán	Tiếng Việt	Toán	Toán	
	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	
	4	Đạo đức	Âm nhạc	TN&XH	TN&XH	HĐTN	
Chiều	5	Toán	Toán+	Toán+	Tiếng Việt+	SHCM (HĐTT)	
	6	Tiếng Việt+	Mĩ thuật	Tiết đọc TV	TCTV		
	7	GDĐP	GDTC	GDTC	HĐTN		
Tổng số tiết/ tuần: 32 tiết							

(Ghi chú: Có kế hoạch giáo dục theo tuần kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	350	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Âm nhạc	35	
6	Mĩ thuật	35	
7	Giáo dục thể chất	70	

8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Tăng cường Tiếng Việt	35	
10	Đọc sách tại thư viện	35	
11	Giáo dục địa phương	22	
12	Hoạt động củng cố tăng cường	153	
13	Hoạt động tập thể	24	
14	Hoạt động theo nhu cầu người học	140	
15	Sinh hoạt chuyên môn	72	
16	Các ngày nghỉ trong năm	14	
17	Tổng số tiết học kỳ I	576	
18	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.2.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (theo Phụ lục 2)

4.3. Đối với lớp 3

4.3.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Đạo đức	Toán	GDTC	Tiếng Việt	
	2	Toán	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TN&XH	
	3	Tiếng Việt	Tin học	TN&XH	Tiếng Việt	Toán	
	4	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Công nghệ	Toán	HĐTN	
Chiều	5	Tiếng Anh	Tiếng Anh	TCTV	Âm nhạc	SHCM (HĐTT)	
	6	Mĩ thuật	GDTC	Tiếng Anh	Tiếng Anh		
	7	ĐD Thư viện	GDĐP	Tiếng Việt+	HĐTN		
Tổng số tiết/ tuần: 32 tiết							

(Ghi chú: Có kế hoạch giáo dục theo tuần kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	

3	Tiếng Anh	140	
4	Đạo đức	35	
5	Tự nhiên và Xã hội	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mĩ thuật	35	
8	Công nghệ	35	
9	Tin học	35	
10	Giáo dục thể chất	70	
11	Hoạt động trải nghiệm	105	
12	Tăng cường Tiếng Việt	35	
13	Đọc sách tại thư viện	35	
14	Giáo dục địa phương	22	
15	Hoạt động củng cố tăng cường	48	
16	Hoạt động tập thể	24	
17	Hoạt động theo nhu cầu người học	140	
18	Sinh hoạt chuyên môn	72	
19	Các ngày nghỉ trong năm	14	
20	Tổng số tiết học kỳ I	576	
21	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.3.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (theo Phụ lục 2)

4.4. Đối với lớp 4

4.4.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	
	2	HĐTN	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	
	3	Toán	LS&ĐL	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
	4	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Anh	GDTC	Khoa học	

Chiều	6	LS&DL	Âm nhạc	Công nghệ	Tiết đọc TV	SHCM (HĐTT)	
	7	Mĩ thuật	Khoa học	GDTC	Tin học		
	8	Tiếng Anh	Đạo đức	GDĐP	HĐTN		
Tổng số tiết/ tuần: 32 tiết							

(Ghi chú: Có kế hoạch giáo dục theo tuần kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Tiếng Anh	140	
4	Đạo đức	35	
5	Khoa học	70	
6	Lịch sử và Địa lí	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mĩ thuật	35	
9	Tin học	35	
10	Công nghệ	35	
11	Giáo dục thể chất	70	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	Đọc sách tại thư viện	35	
14	Giáo dục địa phương	22	
15	Hoạt động củng cố tăng cường	13	
16	Hoạt động tập thể	24	
17	Hoạt động theo nhu cầu người học	140	
18	Sinh hoạt chuyên môn	72	
19	Các ngày nghỉ trong năm	14	

20	Tổng số tiết học kỳ I	576	
21	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.4.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (theo Phụ lục 2)

4.5. Đối với lớp 5

4.5.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Tiếng Anh	
	2	Toán	GDTC	Tin học	Tiếng Việt	Toán	
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Mĩ thuật	
	4	Công nghệ	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Anh	HĐTN	
Chiều	5	Tiết đọc TV	Khoa học	Tiếng Anh	LS&ĐL	SHCM (HĐTT)	
	6	Đạo đức	Tiếng Anh	Khoa học	GDTC		
	7	Âm nhạc	LS&ĐL	GDĐP	HĐTN		
Tổng số tiết/ tuần: 32 tiết							

(Ghi chú: Có kế hoạch giáo dục theo tuần kèm theo)

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Tiếng Anh	140	
4	Đạo đức	35	
5	Khoa học	70	
6	Lịch sử và Địa lí	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mĩ thuật	35	
9	Tin học	35	
10	Công nghệ	35	
11	Giáo dục thể chất	70	

12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	Hoạt động tập thể	24	
14	Hoạt động củng cố tăng cường	35	
15	Hoạt động theo nhu cầu người học	140	
16	Sinh hoạt chuyên môn	72	
17	Các ngày nghỉ trong năm	14	
18	Tổng số tiết học kỳ I	576	
19	Tổng số tiết học kỳ II	544	

4.5.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (theo Phụ lục 2)

V. Nội dung và giải pháp thực hiện

1- Duy trì số lượng học sinh:

a. Nội dung

- Duy trì 439/439 em đạt tỷ lệ 100%.

b. Giải pháp

- Phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể chính quyền xã, các trường bản, cha mẹ học sinh với quyết tâm không để học sinh bỏ học.

- Phân công giáo viên đến từng gia đình ở từng bản để kiểm tra học sinh trong độ tuổi huy động hết ra lớp.

- Tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm, các buổi giao lưu tiếng Việt, ngày Hội Stem tại trường để học sinh yêu trường yêu lớp, thầy cô, bạn bè từ đó tham gia đi học chuyên cần.

- Tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn, xanh - sạch - đẹp.

2. Chuyên môn dạy và học.

a) Thực hiện chương trình giáo dục

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo 17 lớp = 439 học sinh.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, lịch sử truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút, tối thiểu là 9 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần); kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm

vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình. Tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

- Thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh vào các môn học theo Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học và THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Dạy học lồng ghép: An toàn giao thông, Phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, Quyền con người, Kỹ năng công dân số, lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống...

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục STEM.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Giải pháp

- Tiếp tục chỉ đạo đội ngũ giáo viên đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

- Thực hiện theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế từng địa phương, điều kiện thực tế của mỗi nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học tự chọn, đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong chương trình cấp tiểu học. Bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình; tạo môi trường cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học các môn học hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên cần nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa; đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường và đặc điểm đối tượng học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối

chương trình dạy học linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện tổ chức dạy học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gần với giao tiếp.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt (thời lượng 01 tiết/tuần), ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, tiết học tại thư viện nhà trường.

- Tổ chức giao lưu viết chữ đẹp từ lớp 1 đến lớp 5, giao lưu Tiếng Việt, ngày hội Stem cấp trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh.

- Thực hiện hiệu quả việc dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn tại Công văn số 2540/SGDDĐT-GDTrH ngày 24 tháng 8 năm 2025 V/v hướng dẫn một số nội dung về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.

- Tổ chức thực hiện lớp học linh hoạt nhằm đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh.

- Xây dựng môi trường giao tiếp Tiếng Việt cho học sinh thông qua hoạt động dạy học tiếng Việt trong các môn học và hoạt động giáo dục; tổ chức các trò chơi học tập, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, làm truyện tranh, cây từ vựng...;

- Tổ chức ngày hội đọc, thi kể chuyện, giao lưu “Tiếng Việt của chúng em” tại lớp, giữa các lớp cùng khối, trong trường và cụm trường thường xuyên, định kỳ đảm bảo đơn giản, gọn nhẹ và hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động thương binh và xã hội - Bộ Tài Chính về Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật. Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật và triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 ban hành Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật; Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2019 ban hành Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật.

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, trường 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút.

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối lớp trong trường hoặc cụm trường; Chú trọng đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Văn bản số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Dự giờ đồng nghiệp 2 tiết/tháng để học tập và trao đổi kinh nghiệm.

- Thực hiện công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày

01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý theo quy định tại Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức thi giáo viên giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường cho giáo viên theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đánh giá xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 và công văn số 4529/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01/10/2018.

- Đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo Thông tư số 20/2018TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 và công văn số 4530/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01/10/2018.

- Đổi mới công tác quản lý đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo hướng chất lượng, hiệu quả, sáng tạo.

- Chỉ đạo các tổ khối chuyên môn khảo sát trình độ nhận thức của học sinh, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học khái niệm Toán học, dạy đại lượng, giải toán, dạy Tiếng Việt cho học sinh dân tộc, dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, giáo dục lối sống, rèn luyện phẩm chất cho học sinh.

- Chỉ đạo thực hiện dạy học phù hợp với đối tượng học sinh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình các môn học.

- Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học có hiệu quả.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống ”Trường học kết nối” và ”hành trang số” khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên toàn cấp học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng.

3. Công tác Phổ cập Giáo dục tiểu học – Xóa mù chữ.

3.1 Hoạt động của ban chỉ đạo PCGD

- Tích cực tham mưu với ban chỉ đạo PCGD cấp xã kiện toàn ban chỉ đạo PC giáo dục, XMC giai đoạn 2021-2025; họp giao ban định kỳ, tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác giáo dục cho nhân dân và giao chỉ tiêu huy động và duy trì các tiêu chí PCGDTH, XMC tới các thôn bản.

- Thành lập đoàn tự kiểm tra cấp xã công nhận đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2 Hồ sơ PC GDTH - XMC, hồ sơ PCGDTH mức độ 3

a. Nội dung

*** Công tác PCGDTH-CMC**

Đối với PCGDTH - CMC duy trì các chỉ số về tỷ lệ người biết chữ như sau:

- Số người biết chữ trong độ tuổi từ 15-25: 686/688 đạt tỷ lệ 99,71%;

- Số người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35: 925/965 đạt tỷ lệ 95,85%

*** Duy trì đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3.**

- Học sinh: Huy động 63/63 số trẻ 6 tuổi ra lớp 1 đạt tỷ lệ 100%; 95,7% trẻ 11 tuổi được công nhận HTCTTH; 17/17 lớp với 439/439 học sinh học 2 buổi/ngày đạt tỷ lệ 100% .

- Giáo viên: 100% giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn; Xin bổ sung đảm bảo tỷ lệ 1.5 giáo viên/lớp; có đủ các loại hình giáo viên chuyên trách các môn: Mỹ thuật, Thể dục.

- Cơ sở vật chất: Tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo và chính quyền địa phương để có các phòng chức năng phục vụ dạy và học, công trình vệ sinh riêng biệt cho GV và HS.

b. Giải pháp

- Tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của công tác phổ cập. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác Phổ cập giáo dục.

- Thường xuyên tập huấn cho đội ngũ giáo viên nắm chắc các tiêu chuẩn về phổ cập GDTH - XMC.

- Chỉ đạo cập nhật kịp thời các thông tin điều tra dữ liệu trên hồ sơ và phần mềm Phổ cập khi có biến động, thường xuyên đối chiếu, khớp dữ liệu với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn xã. Hoàn thiện các loại sổ sách, quyết định theo quy chuẩn của bộ hồ sơ.

- Tu sửa CSVC, quét sơn lại các dãy nhà đã cũ.

- Nâng cao chất lượng các tiêu chí, rà soát và bố trí các phòng học, phòng chức năng, tích cực tham mưu đảm bảo đủ theo chuẩn mức độ 3.

4. Chất lượng giáo dục

- Đánh giá giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

4.1. Môn học và các hoạt động giáo dục.

a) Nội dung

- Nền nếp học tập cần xây dựng: Đi học đúng giờ, học và làm bài đầy đủ, thật thà, trung thực trong học tập, có đầy đủ sách, vở và đồ dùng học tập, trong lớp hằng hái phát biểu xây dựng bài, đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập.

- Hướng dẫn học sinh biết tự trải nghiệm, tự khám phá tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức. Biết trao đổi, hợp tác với các bạn trong nhóm để cùng hoàn thành nội dung từng bài học.

- Nâng cao chất lượng giáo dục văn hóa, phấn đấu tỷ lệ hoàn thành chương trình lớp học và HTCTTH đạt 100% trở lên.

- Phấn đấu có nhiều học sinh đạt giải viết chữ đẹp cấp trường, cấp huyện.

b. Giải pháp

- Tổ chức cho 17/17 lớp đạt tỷ lệ 100% các lớp học 2 buổi/ngày.

- Chỉ đạo các tổ khối chuyên môn khảo sát trình độ nhận thức của học sinh, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học cho học sinh dân tộc, dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, giáo dục lối sống, rèn luyện phẩm chất cho học sinh.

- Chỉ đạo thực hiện dạy học phù hợp với đối tượng học sinh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình các môn học.

- Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học có hiệu quả.

- Chỉ đạo giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá, nhưng chủ yếu thông qua lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của học sinh khi cần thiết, có biện pháp cụ thể, giúp đỡ, kịp thời.

- Học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học và làm tốt hơn.

- Khuyến khích cha mẹ học sinh trao đổi với giáo viên về nhận xét, đánh giá học sinh bằng các hình thức phù hợp và phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh học tập và rèn luyện.

- Thường xuyên kiểm tra kiểm định chất lượng thông qua việc dự giờ thăm lớp đánh giá thực chất kết quả dạy – học

- Công tác kiểm tra đánh giá số lượng hàng tuần hàng tháng, kiểm tra đột xuất để nắm bắt số học sinh đi học chuyên cần có biện pháp kịp thời với học sinh nghỉ học không có lý do.

- Chất lượng giáo dục được đánh giá định kỳ 2 lần/năm học đối với lớp 1, 2, 3; 4 lần/năm đối với lớp 4, 5; ngoài ra còn được kiểm tra đột xuất chất lượng cuối giờ dạy theo từng giai đoạn của từng đơn vị kiến thức từ đó phân loại học sinh có biện pháp phụ đạo tiếp theo.

- Chỉ đạo tốt việc bồi dưỡng HS năng khiếu ngay từ lớp đầu cấp theo tinh thần của chương trình đổi mới.

- Tổ chức giao lưu viết chữ đẹp, giao lưu tiếng Việt cấp trường cho học sinh tất cả các khối lớp.

- Ngay từ đầu năm học thành lập các đội tuyển năng khiếu: Các câu lạc bộ Tiếng Anh, Âm nhạc, Thể dục để phân công giáo viên bồi dưỡng ngay từ đầu năm học.

- Tổ chức cho 339 học sinh được ăn nghỉ tại trường theo chế độ bán trú; 36 học sinh theo chế độ "Dự án nuôi em" và huy động học sinh còn lại đóng góp nấu ăn, mang cơm đến trường để duy trì sĩ số học buổi chiều.

4.2. Các năng lực

a. Nội dung

- Năng lực chung (03 năng lực)

+ Năng lực tự chủ và tự học:

+/ Tự lực: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công hướng dẫn.

+/ Tự khẳng định và bảo vệ quyền nhu cầu chính đáng: Có ý thức về quyền và mong muốn của bản thân, bước đầu biết cách trình bày và thực hiện một số quyền lợi và nhu cầu chính đáng.

+/ Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động, không mải chơi, ảnh hưởng đến việc học và các việc khác. Hòa nhã với mọi người, không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác. Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác.

+/ Thích ứng với cuộc sống: Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề. Thực hiện được các nhiệm vụ khác nhau với những yêu cầu khác nhau.

+/ Định hướng nghề nghiệp: Bộc lộ được sở thích, khả năng của bản thân; Biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình.

+/ Tự học, tự hoàn thiện: Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học; Nhận ra và sửa chữa sai sót trong bài kiểm tra qua lời nhận xét của thầy cô; Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để cùng mở rộng hiểu biết; Có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+/ Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: Tập trung chú ý khi giao tiếp, nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân; Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản; Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.

+/ Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội, điều chỉnh và hóa giải các mâu thuẫn: Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; Nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn ...; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn.

+/ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập, biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

+/ Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.

+/ Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác: Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp

+/ Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công.

+/ Đánh giá hoạt động hợp tác: Báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả

nhóm; tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của thầy cô.

+/ Hội nhập quốc tế: Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới. Biết tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế theo hướng dẫn của nhà trường.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

+/ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

+/ Phát hiện và làm rõ vấn đề: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

+/ Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện

+/ Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Nêu được cách giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn.

+/ Thiết kế và tổ chức hoạt động: Nhận xét được ý nghĩa của các hoạt động; Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn.

+/ Tư duy độc lập: Nếu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh, không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng, sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót.

- Năng lực đặc thù (07 năng lực)

+ Năng lực ngôn ngữ: Năng lực ngôn ngữ của h/s bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết.

+ Năng lực tính toán: Nhận thức kiến thức toán học. Tư duy toán học. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

+ Năng lực khoa học: Nhận thức khoa học. Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

+ Năng lực công nghệ: Nhận thức công nghệ. Giao tiếp công nghệ. Sử dụng công nghệ. Đánh giá công nghệ. Thiết kế kỹ thuật.

+ Năng lực Tin học: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông. Ứng xử phù hợp với môi trường số. Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông. Ứng dụng CNTT và truyền thông trong học và tự học. Hợp tác trong môi trường số.

+ Năng lực thẩm mỹ: Nhận thức các yếu tố thẩm mỹ. Phân tích đánh giá các yếu tố thẩm mỹ. Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mỹ.

+ Năng lực thể chất: Chăm sóc sức khỏe. Vận động cơ bản. Hoạt động thể dục thể thao.

b. Giải pháp

- Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; căn cứ vào những biểu hiện về nhận thức, hành vi, thái độ của học sinh; đối chiếu với yêu cầu cần

đạt của từng năng lực cốt lõi theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học để nhận xét và có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

- Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực cốt lõi để hoàn thiện bản thân.

- Cha mẹ học sinh trao đổi, phối hợp với giáo viên để động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện và phát triển từng năng lực cốt lõi.

- Chỉ đạo GV hàng ngày, hàng tuần quan sát các biểu hiện về nhận thức, kỹ năng, thái độ của học sinh để nhận xét sự hình thành và phát triển năng lực; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn, phát huy ưu điểm và các phẩm chất riêng, điều chỉnh hoạt động, ứng xử kịp thời để tiến bộ.

- Giáo viên luôn quan tâm đến tất cả các đối tượng học sinh trong lớp, giải quyết, chia sẻ những khó khăn của học sinh trong học tập.

- Khuyến khích học sinh tự nhận xét, tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng nội dung năng lực để hoàn thiện bản thân.

- Hàng tháng, giáo viên thông qua quá trình quan sát, ý kiến trao đổi với cha mẹ học sinh và những người khác (nếu có) để nhận xét học sinh.

- Ban giám hiệu phối hợp với Công đoàn nhà trường chỉ đạo Đội TNTP Hồ Chí Minh phối hợp chặt chẽ với các giáo viên chủ nhiệm để tăng cường các biện pháp giáo dục đạo đức cho học sinh. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình HS để thống nhất nội dung và phương pháp giáo dục.

4.3. Các phẩm chất

a. Nội dung

- Yêu nước:

- + Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên; Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước.

- + Kính trọng biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước.

- Nhân ái:

- + Yêu quý mọi người:

- +/ Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình.

- +/ Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè.

- +/ Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật, nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ.

- +/ Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.

- + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người:

- +/ Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn

cảnh gia đình.

+/ Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn.

+/ Sẵn sàng tha thứ cho những hành động có lỗi của bạn.

- Chăm chỉ:

+ Ham học.

+/ Đi học đầy đủ, đúng giờ.

+/ Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

+/ Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết.

+/ Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng được học ở nhà trường vào đời sống hàng ngày.

+ Chăm làm.

+/ Thường xuyên tham gia các công việc gia đình vừa sức với bản thân.

+/ Thường xuyên tham gia các công việc của trường, lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.

- Trung thực:

+ Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hàng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

+ Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt.

+ Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, thầy cô và những người khác.

+ Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

- Trách nhiệm:

+ Có trách nhiệm với bản thân:

+/ Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe.

+/ Có ý thức sinh hoạt nề nếp.

+ Có trách nhiệm với gia đình.

+/ Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình.

+/ Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống, có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình.

+ Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội:

+/ Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công.

+/ Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau.

+/ Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng.

+/ Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.

- +/- Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.
- + Có trách nhiệm với môi trường sống:
- +/- Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích
- +/- Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.
- +/- Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.

b. Giải pháp.

- Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; căn cứ vào những biểu hiện về nhận thức, hành vi, thái độ của học sinh; đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng phẩm chất chủ yếu theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học để nhận xét và có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

- Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng phẩm chất chủ yếu để hoàn thiện bản thân.

- Cha mẹ học sinh trao đổi, phối hợp với giáo viên để động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện và phát triển từng phẩm chất chủ yếu.

- Chỉ đạo GV hàng ngày, hàng tuần quan sát các biểu hiện về nhận thức, kỹ năng, thái độ của học sinh để nhận xét sự hình thành và phát triển phẩm chất; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn, phát huy ưu điểm và các phẩm chất riêng, điều chỉnh hoạt động, ứng xử kịp thời để tiến bộ.

- Giáo viên luôn quan tâm đến tất cả các đối tượng học sinh trong lớp, giải quyết, chia sẻ những khó khăn của học sinh trong học tập.

- Khuyến khích học sinh tự nhận xét, tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng nội dung phẩm chất để hoàn thiện bản thân.

- Hàng tháng, giáo viên thông qua quá trình quan sát, ý kiến trao đổi với cha mẹ học sinh và những người khác (nếu có) để nhận xét học sinh.

- Phối kết hợp với các tổ chức trong nhà trường và ngoài nhà trường nêu gương người tốt việc tốt để học sinh học tập. Thông qua các buổi sinh hoạt Đội, các HĐGD NGLL tuyên truyền GD các em truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và các ngày lễ lớn như: 20/11, 22/12, 26/3, 03/2, 19/5,... để các em thêm yêu quê hương đất nước, yêu thầy cô, bạn bè, gia đình...

- Ban giám hiệu phối hợp với Công đoàn nhà trường chỉ đạo Đội TNTP Hồ Chí Minh phối hợp chặt chẽ với các giáo viên chủ nhiệm để tăng cường các biện pháp giáo dục đạo đức cho học sinh. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình HS để thống nhất nội dung và phương pháp giáo dục.

5. Công tác thể dục, vệ sinh, ca múa hát tập thể.

5.1. Công tác thể dục, các loại hình thể dục nghệ thuật đầu giờ, giữa giờ:

a. Nội dung

Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động thể dục nhịp điệu, đồng diễn, dân vũ, võ cổ truyền, múa hát dân ca đầu giờ, giữa giờ.

b. Giải pháp

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, nâng cao chất lượng các bài thể dục đầu giờ, giữa giờ, thể dục nhịp điệu, đồng diễn, dân vũ, võ cổ truyền, múa hát dân ca, bóng rổ, Aerobich... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao theo các môn thi đấu tại Hội khỏe Phù Đổng các cấp.

5.2 Nền nếp: Trang phục HS, vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp, công trình vệ sinh.

a. Nội dung

- Mỗi học sinh có đủ trang phục đội viên, trang phục học sinh sạch đẹp.

- Quy định các ngày mặc đồng phục của trường.

- Vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp, công trình vệ sinh sạch sẽ.

b. Giải pháp

- Chỉ đạo tổng phụ trách Đội, giáo viên chủ nhiệm thực hiện tốt công tác giáo dục HS có ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp, vệ sinh công cộng, các công trình vệ sinh.

- Xây dựng thói quen cho học sinh biết tự chăm sóc bản thân, vệ sinh thân thể sạch sẽ, ăn mặc gọn gàng. Thường xuyên chải tóc gọn gàng (với HS nữ) cắt tỉa tóc ngắn (với HS nam), quần áo, giày dép, chân tay luôn sạch sẽ. Vệ sinh trường, lớp sạch sẽ.

- Thường xuyên nhắc nhở học sinh trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân, việc giữ gìn vệ sinh chung, có tuyên dương, khen ngợi...

5.3 Nền nếp hát đầu giờ, giữa giờ, ca múa hát tập thể sân trường:

a. Nội dung

- Duy trì nề nếp hát đầu giờ, giữa giờ, ca múa hát tập thể trên sân trường có chất lượng.

b. Giải pháp

- Triển khai duy trì nề nếp hát đầu giờ, giữa giờ tới tất cả các lớp. Chỉ đạo GV tổng phụ trách Đội phối kết hợp với giáo viên chủ nhiệm để tổ chức tốt các hoạt động ca múa hát tập thể sân trường; dạy các bài hát dân ca thuộc đặc trưng vùng miền vào các ngày thứ tư hàng tuần và triển khai dạy dân vũ vào các giờ hoạt động giữa giờ.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ trong các chủ đề sinh hoạt tập thể và các ngày lễ lớn...

- Tổ chức cho học sinh tập luyện các tiết mục văn nghệ để tham gia giao lưu văn nghệ giữa các khối lớp chào mừng các ngày lễ lớn trong năm.

5.4 Triển khai thực hiện phong trào: Thiếu nhi Việt Nam thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy”.

a. Nội dung

Tạo môi trường cho thiếu nhi thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy

- Yêu tổ quốc, yêu đồng bào.
- Học tập tốt, lao động tốt.
- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.
- Giữ gìn vệ sinh thật tốt.
- Khiêm tốn thật thà dũng cảm.

b. Giải pháp

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục thiếu nhi về lịch sử, truyền thống cách mạng của dân tộc.
- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả các phong trào, hoạt động thi đua học tốt, phát động đội viên, học sinh tích cực chủ động trong học tập
- Giáo dục thiếu nhi biết quan tâm yêu thương, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, cùng bạn cố gắng khắc phục khó khăn, cùng nhau tiến bộ.
- Giáo dục thiếu nhi thực hiện nghiêm túc nề nếp, kỉ cương học đường.
- Thông qua buổi sinh hoạt đội, sao nhi đồng hướng dẫn thiếu nhi rèn luyện ý thức và thói quen giữ gìn vệ sinh cá nhân, tự chăm sóc bản thân, giữ gìn trường lớp.
- Tổ chức các hoạt động định hướng cho thiếu nhi rèn luyện, thực hành phương châm "Tiên học lễ, hậu học văn", bồi đắp cho thiếu nhi đức tính khiêm tốn, lễ phép, trung thực trong học tập, trong giao tiếp ứng xử và trong đời sống hàng ngày.

6. Các hoạt động khác.

6.1 Trang trí trường, lớp theo quy định.

a. Nội dung

- Treo các biển khẩu hiệu phù hợp với môi trường giáo dục.
- Trang trí lớp phù hợp với đặc điểm lớp, điều kiện thực tế của trường, đẹp, thân thiện đúng quy định

b. Giải pháp

- Trang trí lớp học: có tranh ảnh đồ dùng dạy học treo thành từng góc trên tường. Có bảng trưng bày sản phẩm học tập, bài làm tốt, bài viết đẹp....
- Xây dựng được các góc học tập cho học sinh trong lớp.
- Treo khẩu hiệu dạy tốt, học tốt và giữ vở sạch, viết chữ đẹp trong lớp học.
- Mỗi lớp có tối thiểu 1 chậu cây xanh.

6.2 Xây dựng CSVC và bảo quản tài sản thiết bị trường học:

a. Nội dung

- Đảm bảo đủ các phòng học và các phòng chức năng và các thiết bị phục vụ dạy - học.

- Bàn ghế học sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

- Đảm bảo các khối lớp 1, 2, 3, 4, 5 đều có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

- Rà soát, làm tờ trình đăng ký mua sắm bổ sung thiết bị đảm bảo trang bị mới tối thiểu 01 bộ/lớp.

- Chủ động tăng cường khai thác các nguồn lực nhằm tăng cường thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học.

- Bảo vệ tốt cơ sở vật chất, tài sản, thiết bị dạy - học.

b. Giải pháp

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, tu sửa, bổ sung CSVC, trang thiết bị dạy học trong dịp hè để chuẩn bị cho năm học mới.

- Xây dựng nội quy bảo quản cơ sở vật chất và tài sản của nhà trường, lớp học; tổ chức cho các lớp triển khai học tập và quán triệt thực hiện nội quy đề ra.

- Chỉ đạo giáo viên đăng ký mượn đồ dùng dạy học hàng tuần, thực hiện dạy có sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Thường xuyên tuyên truyền quán triệt, nhắc nhở CB-GV-NV-HS về ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ tài sản, CSVC và trang thiết bị dạy học.

- Đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học, trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh.

- Tổ chức kiểm kê và bàn giao tài sản của lớp cho giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm bảo quản, mỗi năm học 2 lần báo cáo định kỳ và báo cáo ngay khi có hiện tượng bất thường xảy ra.

- Cập nhật thường xuyên phần mềm MISA, CSDL Quốc gia, SMAS...

- Hợp đồng nhân viên bảo vệ trực 24/24 giờ, cam kết bảo vệ an toàn tài sản nhà trường.

6.3 Lao động phòng chống thiên tai, hoả hoạn. Phòng, chống tai nạn thương tích, xây dựng trường học an toàn:

a. Nội dung

- Tiếp tục triển khai và thực hiện nghiêm túc các nội dung về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông theo Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức học tốt, dạy tốt các chương trình chính khoá về giáo dục sức khoẻ cho học sinh, quản lý học sinh tốt trong các hoạt động, đồ dùng dạy và học phải đảm bảo an toàn, tránh các vật dụng sắc nhọn...theo đúng quy định của môn học có lồng ghép.

- Thường xuyên cải tạo môi trường học tập và sinh hoạt luôn chú ý đến đường đi, sân trường bằng phẳng, không trơn trượt.

- Xây dựng kế hoạch phòng cháy, chữa cháy, có đầy đủ dụng cụ cho công tác Phòng cháy, chữa cháy.

- Giáo dục HS biết phòng tránh thiên tai: Sấm sét, mưa to gió lớn không ra ngoài đường.

- Giáo dục HS biết phòng tránh hỏa hoạn: Không sử dụng diêm, bật lửa vào những việc không có ích và gây nguy hiểm cho bản thân, mọi người xung quanh.

b. Giải pháp

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy của nhà trường và tổ chức tập huấn các phương pháp phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng nội quy về công tác phòng cháy, chữa cháy cụ thể rõ ràng và có đầy đủ phương tiện trang thiết bị phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy.

- Đề bình chữa cháy tại lớp, hướng dẫn học sinh sử dụng bình chữa cháy.

- Trao đổi với phụ huynh và hướng dẫn học sinh cách phòng, chữa cháy.

- Thành lập ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích trong trường.

- Tổ chức lồng ghép vào các buổi HĐNGLL, các buổi sinh hoạt tập thể tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn học sinh cách sử dụng nguồn điện an toàn, phòng chống cháy nổ, phòng tránh tai nạn, đuối nước, an toàn giao thông... Biết ứng phó, xử lý kịp thời khi có thiên tai, hỏa hoạn ...

- Tổ chức thường xuyên việc trồng, chăm sóc cây bóng mát, bồn hoa cây cảnh để hoa và cây cảnh đẹp quanh năm, cây bóng mát phủ kín sân trường, tạo khuôn viên rộng mát mẻ sạch đẹp cho học sinh vui chơi.

- Tổ chức tự kiểm tra đánh giá trường học an toàn theo quy định tại Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT ngày 22/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.4 Triển chức dạy học 2 buổi/ ngày và bán trú.

a. Nội dung

*** Dạy học 2 buổi/ ngày.**

- Thực hiện dạy học 2 buổi/ ngày cho 17/17 lớp với 439 học sinh.

- Thực hiện kế hoạch dạy học 32 tiết/ tuần; (dạy 9 buổi/tuần).

- Tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua các hoạt động Câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm.

- Nâng cao chất lượng dạy học buổi thứ 2 (buổi chiều) theo chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học, tổ chức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

*** Công tác bán trú**

- Thực hiện các hoạt động trường bán trú đúng theo quy định tại Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02/8/2010 và thông tư số 30/2015/TT-BGDĐT ngày 11/12/2015 của Bộ GD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông dân tộc bán trú.

- Tổ chức quản lý học sinh bán trú theo quy định tại thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ GD&ĐT về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Tổ chức ăn, ở cho 339 học sinh bán trú.

b. Giải pháp

- Xây dựng chương trình, kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày (9 buổi/ tuần) đảm bảo học sinh các lớp học cả ngày được tự học dưới sự hướng dẫn của giáo viên, để hoàn thành nội dung học tập ngay tại lớp.

- Tổ chức dạy học các môn bắt buộc, tự chọn, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa.

- Căn cứ Công văn số 751/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2025 của Sở Giáo dục và ĐT tỉnh Điện Biên. V/v thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025-2026.

- Tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh tự nguyện ủng hộ chủ trương và đóng góp kinh phí cho học sinh ăn trưa theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng, nghỉ trưa tại trường.

- Công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú.

- Chỉ đạo thực hiện tốt quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra hiện tượng ngộ độc thực phẩm, sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh bán trú.

7. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia, trường học thân thiện – học sinh tích cực.

7.1. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

a. Nội dung

- Xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT và luôn quan tâm rà soát các tiêu chí để có giải pháp kịp thời.

- Nâng cao chất lượng dạy và học, thu thập các minh chứng, tu sửa lại cơ sở vật chất,... Đưa công tác kiểm định chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trở thành hoạt động thường xuyên, xuyên suốt trong năm học.

- Xây dựng cảnh quan môi trường, trang trí lớp học và tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu về chất lượng của trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia.

- Phân đầu đạt tiêu chí 3.6 đảm bảo chỉ số của mức 3.

b. Giải pháp

- Triển khai nghiên cứu kỹ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công các thành viên, các nhóm thu thập thông tin, minh chứng, phát hiện điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường từ đó có kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp.

- Tích cực tham mưu với lãnh đạo các cấp để tăng thêm nguồn kinh phí tu sửa lớp học, sân trường, bổ sung các phòng học chức năng còn thiếu.

- Thực hiện công tác quản lý một cách sáng tạo, phát huy được khả năng của giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

- Phân công cụ thể cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ dưới nhiều hình thức, tổ chức các cuộc thi, sinh hoạt chuyên đề, để giáo viên có cơ hội rèn luyện bản thân để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Khuyến khích giáo viên ứng dụng CNTT vào giảng dạy, thiết kế bài giảng theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực như (thảo luận, trò chơi học tập, đóng vai, kỹ thuật mảnh ghép, khăn phủ bàn, bàn tay nặn bột...) vào giảng dạy các môn học.

- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực từ nhân dân để xây dựng cảnh quan trường lớp khang trang, sạch đẹp.

- Tổ chức tốt việc dạy học 2 buổi/ngày, phân hóa đối tượng học sinh để nâng cao chất lượng học tập của học sinh.

- Khuyến khích giáo viên làm đồ dùng dạy học. Sử dụng thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm hiệu quả cao.

- Với tiêu chí chưa đạt có các giải pháp cụ thể sau:

- / Tiêu chí 3.6: Thư viện

- + Xây dựng thư viện đảm bảo các tiêu chí thư viện đạt thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

- + Hàng năm đề nghị công nhận Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học tiên tiến trở lên.

- + Đề nghị bổ sung hệ thống máy tính có kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB, GV, NV và học sinh

7.2 Công tác xây dựng Trường học thân thiện – Học sinh tích cực.

a. Nội dung

- Tập trung xây dựng trường lớp xanh, sạch, đẹp; Rèn kỹ năng sống cho học sinh; Tổ chức tốt các hoạt động tập thể.

- Phân đấu trường học thân thiện xếp loại: Xuất sắc.

b. Giải pháp

- Tiếp tục triển khai và quán triệt thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo xây dựng Trường học thân thiện, học sinh tích cực tới toàn thể CBGV, NV và học sinh.

- Tổ chức trồng thêm cây bóng mát, chậu cây cảnh, bồn hoa, tu sửa sân trường, quét ve lại các phòng học đã cũ.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy cho các em các bài dân ca, dân vũ của các dân tộc Tây Bắc để giáo dục lòng yêu quê hương đất nước.

8. Công tác xã hội hoá giáo dục, hoạt động của hội cha mẹ học sinh, công tác khuyến học

8.1. Công tác xã hội hoá giáo dục:

a. Nội dung

- Tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước tới cộng đồng.

- Huy động tốt các nguồn lực: tiền và công của các đoàn thể và nhân dân, doanh nghiệp trong địa bàn cho các hoạt động GD của nhà trường

b. Giải pháp

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về công tác xây dựng cơ sở vật chất, cụ thể từng hạng mục công trình cần xây dựng, nhằm tập trung sự chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND cho công tác xây dựng trường.

- Vận động mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào XHHGD.

- Thực hiện nghiêm túc Công văn số 751/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2025 của Sở Giáo dục và ĐT tỉnh Điện Biên. V/v thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025-2026

8.2. Hoạt động của Hội cha mẹ học sinh

a. Nội dung

- Ban đại diện CMHS trường thực hiện nghiêm túc theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 về ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; Nghị quyết ban đại diện CMHS đề ra trong năm học 2025-2026.

- Phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác;

b. Giải pháp

- Kiện toàn BDDCMHS và hoạt động theo Điều lệ. Ban đại diện CMHS thực hiện đúng các nhiệm vụ của Ban đại diện CMHS theo Điều lệ quy định.

- Xây dựng kế hoạch của Hội để phối hợp cùng nhà trường đẩy mạnh công tác phát triển sự nghiệp giáo dục của xã.

- Tích cực tuyên truyền nhân dân để vận động học sinh ra lớp và duy trì số lượng.

- Tổ chức họp phụ huynh định kì 3 lần/năm vào đầu năm học, cuối kì I và cuối năm học để thông tin kịp thời tình hình giáo dục của nhà trường và bàn các biện pháp duy trì số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục.

8.3. Công tác khuyến học

a. Nội dung

- Xây dựng quỹ khuyến học của nhà trường và sử dụng quỹ khuyến học đúng mục đích, chủ yếu trong việc khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích trong học tập.

- Giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn từ nguồn quỹ khuyến học của nhà trường và địa phương.

- Phát động phong trào thi đua dạy tốt học tốt trong cả năm, phát hiện những HS có năng khiếu ở các môn học, tạo điều kiện bồi dưỡng rèn luyện để tham gia dự thi các cấp. Khen thưởng động viên HS có thành tích trong học tập. Phát động phong trào giúp đỡ bạn nghèo vượt khó học tốt.

b. Giải pháp

- Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương xây dựng quỹ khuyến học của xã.

- Tăng cường các hoạt động của chi hội khuyến học nhà trường, tích cực tổ chức gây quỹ để hoạt động.

- Công tác giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn: Tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm các lớp rà soát các đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn và mức độ khó khăn của từng học sinh để vận động, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức xã hội để hỗ trợ giảm bớt khó khăn cho các em.

- Công tác khen thưởng: Từ nguồn Quỹ khuyến học của nhà trường, xét khen thưởng và động viên kịp thời học sinh có thành tích trong học tập và các cuộc thi.

9. Tổ chức Hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

a. Nội dung

- Tăng cường các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo hướng dẫn tại văn bản số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT.

- Tập trung vào giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, giáo dục bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, dịch bệnh cho học sinh.

- Thực hiện dạy học tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào hoạt động trải nghiệm và các môn học khác theo hướng dẫn tại văn bản số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức sau giờ dạy chính thức trong ngày cho học sinh tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 19/9/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học.

b. Giải pháp

- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động NGLL cả năm học và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc kế hoạch.

- Phân công các GVCN thực hiện giảng dạy đến tất cả các khối lớp.
- Lồng ghép giáo dục ngoài giờ lên lớp với các chương trình hoạt động tập thể để thực hiện.
- Tổ chức các chương trình lễ hội gắn với các chủ điểm trong năm học, Hướng dẫn các em tham gia các hoạt động trò chơi dân gian, các lễ hội ở địa phương, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, thi kể chuyện về những anh hùng lịch sử
- Tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu văn nghệ, thể thao gắn với các cuộc thi để rèn kỹ năng sống cho các em.
- Thực hiện dạy học tích hợp nội dung giáo dục pháp luật, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, văn hóa giao thông vào các môn học và hoạt động giáo dục.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.
- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.
- Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.
- Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; Lập tờ trình đề nghị chuẩn ý nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn
- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, bắt đầu từ lớp 1; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

2. Phó Hiệu trưởng

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 9 buổi /tuần. (32 tiết/tuần)
- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp 1, 2, 3, 4, 5 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ đề tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng và giải trình kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học.

- Thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt.

- Đề xuất hiệu trưởng phân công giáo viên dạy và giáo viên chủ nhiệm lớp theo năm học.

- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng.

- Tổ chức sinh hoạt ít nhất hai tuần một lần để thực hiện các nhiệm vụ của tổ chuyên môn trên tinh thần xây dựng môi trường thân thiện, tích cực, tự học để nâng cao trình độ và phát triển năng lực chuyên môn.

4. Tổng phụ trách đội

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

5. Giáo viên

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách, bảo đảm quy định của chương trình giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường.

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

- Đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

- Tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

- Quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục tại điểm trường khi được hiệu trưởng phân công.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của hiệu trưởng.

- Đối với giáo viên chủ nhiệm ngoài các nhiệm vụ trên còn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- + Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

- + Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng và được hiệu trưởng phê duyệt.

- + Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh.

- + Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

6. Nhân viên

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhân viên trường tiểu học xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động cá nhân theo tuần, tháng, năm học nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tùy theo vị trí việc làm, nhân viên trường tiểu học thực hiện nhiệm vụ theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm đang đảm nhiệm cụ thể như sau:

6.1. Nhân viên TV + TB

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Tuyên truyền đề CBGV,NV và học sinh tích cực đọc sách;
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...
- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6.2. Nhân viên Y tế

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.
- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường
- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGV,NV và học sinh.
- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.
- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDĐT, Bộ Y tế.
- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

6.3. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

Nơi nhận:

- BGH, GV, NV;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Hòa

